

# Kinh Đại Bát Niết Bàn



## Tập 6

Đoàn Trung Còn & Nguyễn Minh Tiến dịch

---o0o---

*Nguồn*

<http://www.hoavouu.com>

*Chuyển sang ebook 10-05-2014*

*Người thực hiện :*

*Nguyễn Ngọc Thảo - thao\_ksd@yahoo.com.vn*

*Thu Đình - Diệu Hương Thủy - thuhoaidinh.hn@gmail.com*

*Tuyết Nhung - tuyetnhungbc1617@yahoo.com.vn*

*Dũng Trần - dungxtr2004@gmail.com*

*Nam Thiên - namthien@gmail.com*

[Link Audio Tại Website http://www.phapthihoi.org](http://www.phapthihoi.org)

## Mục lục

**QUYỂN SÁU**

**PHẨM TÁNH NHƯ LAI - Phẩm thứ tư**

---o0o---

**QUYỂN SÁU**

**PHẨM TÁNH NHƯ LAI - Phẩm thứ tư<sup>1</sup>**

**Phần ba**

Phật dạy: Thiện nam tử! Theo kinh Đại Niết-bàn vi diệu này, có bốn hạng người có thể ủng hộ Chánh pháp, kiến lập Chánh pháp, nghĩ tưởng đến Chánh pháp, có thể thương xót và làm lợi ích nhiều cho thế gian, là chỗ nương theo cho thế gian, làm cho loài người và chư thiên đều được yên vui.

Bốn hạng người ấy là những ai? Thứ nhất là những người ra đời có đủ tánh phiền não. Thứ nhì là các vị Tu-đà-hoàn và Tu-đà-hàm. Thứ ba là các vị A-na-hàm. Thứ tư là các vị A-la-hán.<sup>2</sup> Bốn hạng người này xuất hiện ở đời có thể thương xót và làm lợi ích nhiều cho thế gian, là chỗ nương theo cho thế gian, làm cho loài người và chư thiên đều được yên vui.

Sao gọi là có đủ tánh phiền não? Như người có thể vâng giữ giới cấm, đầy đủ các oai nghi, kiến lập Chánh pháp, theo Phật nghe pháp, hiểu được nghĩa lý rồi phân biệt giảng rộng với người khác. Chẳng hạn như nói rằng: ít ham muốn là hợp đạo, nhiều ham muốn là trái đạo... giảng rộng tám điều giác ngộ<sup>3</sup> của bậc đại nhân như vậy, đối với kẻ phạm tội liền dạy họ phát lộ sám hối<sup>4</sup> để diệt trừ tội lỗi, hiểu rành những phép phương tiện và sở hành bí mật của Bồ Tát. Gọi là phạm phu thì chẳng phải là người có đủ tám điều giác ngộ.<sup>5</sup> Người có đủ tám điều giác ngộ thì chẳng gọi là phạm phu, gọi là Bồ Tát, chẳng gọi là Phật.

Hạng người thứ nhì là các vị Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm. Các vị này nếu được Chánh pháp, thọ trì Chánh pháp, theo Phật nghe pháp, liền y như chỗ đã nghe mà ghi chép, thọ trì, đọc tụng, đem giảng giải với người khác. Như với các vị này mà bảo rằng nghe pháp rồi chẳng ghi chép, chẳng thọ trì, chẳng đem giảng giải cho người khác, lại nói rằng Phật cho phép chứa trữ nô tỳ, những vật bất tịnh, đều là chuyện vô lý. Như vậy là hạng người thứ nhì. Các vị này chưa được như hạng người thứ ba. Được như hạng người thứ ba gọi là Bồ Tát đã được thọ ký.

Hạng người thứ ba là các vị A-na-hàm. Nếu bảo rằng các vị A-na-hàm phải báng Chánh pháp, như nói: Như Lai cho phép chứa trữ nô tỳ, tôi tớ, những vật bất tịnh; hoặc nói các vị thọ trì kinh điển, sách luận ngoại đạo; hoặc nói các vị bị các phiền não khách trần<sup>6</sup> ngăn trở, bị các phiền não từ trước che lấp; hoặc nói các vị giấu giếm xá-ly chân thật của Như Lai; hoặc nói các vị bị các bệnh ở ngoài gây não hại, hoặc bị rắn độc bốn đại xâm tổn; hoặc nói các vị theo luận thuyết chấp ngã, đều là những việc vô lý.

Nếu bảo rằng các vị A-na-hàm giảng thuyết pháp vô ngã, đó là việc có lý. Nếu bảo rằng các vị giảng lẽ chấp trước theo pháp thế gian, đó là việc vô lý. Nếu bảo các vị giảng pháp Đại thừa tiếp nối chẳng dứt, đó là việc có lý.

Nếu bảo rằng các vị A-na-hàm có cái thân chứa tám vạn loại trùng,<sup>7</sup> đó cũng là việc vô lý. Nếu bảo rằng các vị đã vĩnh viễn xa lìa sự dâm dục, cho đến trong giấc mộng cũng không phạm việc bất tịnh, đó là việc có lý. Nếu bảo rằng các vị A-na-hàm đến ngày lâm chung sanh lòng sợ sệt, đó cũng là việc vô lý.

Vậy A-na-hàm có nghĩa là gì? Như trước đây ta có nói, bậc A-na-hàm chẳng còn phải trở lại thế gian này; những lỗi lầm tai hại từ trước chẳng còn có thể nhiễm ô. Nếu vị ấy còn tới lui ở cõi thế gian này, đó gọi là Bồ Tát đã được

thọ ký, chẳng bao lâu sẽ được thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Đó là hạng người thứ ba.

Hạng người thứ tư gọi là A-la-hán. Vị A-la-hán là người đã dứt hết phiền não, đã trút bỏ gánh nặng, đã được sự lợi ích cho mình, đã làm xong việc phải làm, trụ ở địa vị thứ mười.<sup>8</sup> Bậc ấy được trí tự tại, tùy theo sự ưa thích của chúng sanh có thể thị hiện ra mọi thứ hình sắc, ảnh tượng. Như chỗ trang nghiêm của vị này, nếu muốn thành Phật đạo liền có đủ khả năng để thành. Có thể thành tựu vô lượng công đức như vậy nên gọi là A-la-hán.

Đó gọi là bốn hạng người xuất hiện ở đời có thể thương xót và làm lợi ích nhiều cho thế gian, là chỗ nương cậy cho thế gian, làm cho loài người và chư thiên đều được yên vui. Các vị này đều là bậc tối tôn, tối thắng trong cõi trời người, không khác gì đức Như Lai. Gọi là bậc cao trội trong loài người tức là chỗ quay về nương theo của cả nhân loại và chư thiên.

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: Thế Tôn! Nay con chẳng nương theo bốn hạng người ấy. Vì sao vậy? Như trong kinh Cồ-sur-la<sup>9</sup> Phật dạy ông Cồ-sur-la rằng: ‘Như có thiên ma hay Phạm thiên, vì muốn phá hoại nên biến ra hình Phật có đủ ba mươi hai tướng tốt trang nghiêm, tám mươi vẻ đẹp, hào quang chiếu quanh một tầm,<sup>10</sup> khuôn mặt tròn đầy như trăng rằm sáng rỡ, có lông trắng ở khoảng giữa hai chân mày màu trắng như ngọc, như tuyết. Nếu có người hình thể trang nghiêm như vậy đi đến chỗ ông, thì ông nên xét kỹ xem là thật hay là giả. Khi biết rõ [là ma giả dạng] rồi thì nên hàng phục nó.’

Thế Tôn! Bọn ma ấy có thể hóa làm thân Phật được, huông chi là các thân như A-la-hán, A-na-hàm... của bốn hạng người trên, hoặc những việc như nằm ngồi giữa không trung, hông trái phun nước, hông phải phun lửa, thân thể tuôn ra khói lửa như một đám lửa. Vì nhân duyên ấy, với những hạng người này con chẳng sanh lòng tin, hoặc như có thuyết giảng điều chi, con cũng không thể nhìn nhận, cũng không sanh tâm cung kính mà nương theo họ.

Phật dạy: Thiện nam tử! Đối với những điều chính ta giảng thuyết, nếu có lòng nghi còn chẳng nên nhận, huông chi là với những hạng người ấy. Cho nên phải khéo phân biệt biết rõ là điều lành hay dữ, nên làm hay chẳng nên làm. Nếu được như vậy thì sẽ thọ hưởng sự yên vui lâu dài.

Thiện nam tử! Ví như con chó hoang ban đêm vào nhà người ta. Kẻ tôi tớ nhà ấy nếu hay biết được, liền đuổi mắng rằng: ‘Mày mau đi khỏi đây. Nếu mày chẳng đi ngay tao sẽ giết mày.’ Chó hoang nghe vậy liền bỏ đi không dám trở lại. Từ nay trở đi các ông cũng nên làm như vậy để hàng phục ma Ba-tuần. Nên nói như thế này: ‘Ba-tuần! Nay ông không nên biến ra hình tượng như vậy. Nếu ông còn cố ý hóa hiện như vậy nữa, ta sẽ dùng năm sợi dây mà trói buộc ông.’ Ma nghe lời ấy ắt sẽ ra đi, cũng như con chó hoang kia không còn dám trở lại.

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: Thế Tôn! Như Phật có dạy trưởng giả Cồ-sư-la rằng: ‘Nếu ông có thể dùng cách ấy mà hàng phục ma thì cũng có thể đến gần Đại Niết-bàn.’ Như Lai cần chi phải nói rằng bốn hạng người ấy là chỗ quay về nương theo? Bốn hạng người như vậy có giảng thuyết điều chi, chưa chắc đã là đáng tin.

Phật dạy Ca-diếp: Thiện nam tử! Ngay như những điều ta thuyết dạy, cũng là như vậy, chẳng ra ngoài lẽ ấy.

Thiện nam tử! Ta vì hàng Thanh văn mắt thịt mà nói việc hàng phục chúng ma, không phải vì những người tu học Đại thừa mà nói. Hàng Thanh văn đầu có thiên nhãn cũng gọi là mắt thịt. Người tu học Đại thừa tuy mang mắt thịt nhưng gọi là Phật nhãn. Vì sao vậy? Kinh Đại thừa này gọi là Phật thừa, cao quý hơn hết, vượt trội hơn hết.

Thiện nam tử! Ví như có người mạnh mẽ, oai dũng. Những kẻ yếu đuối nhút nhát thường đến nương tựa người ấy. Người mạnh mẽ ấy thường dạy những kẻ yếu đuối nhút nhát rằng: ‘Các ông nên cầm cung tên như thế này, luyện tập múa giáo, móc câu, quăng dây trói như thế này...’ Rồi lại dạy rằng: ‘Trong việc chiến đấu, tuy như đi trên mũi nhọn cũng không được sợ sệt. Hãy nhìn người khác với ý tưởng coi khinh là yếu ớt. Tự mình nên có tư tưởng là người mạnh mẽ. Như gặp người vốn không can đảm dũng mãnh nhưng giả làm bộ dạng mạnh mẽ, cầm cung xách đao cùng mọi thứ khí giới bước ra giữa trận lớn tiếng quát thét; đối với người ấy đừng sanh lòng sợ sệt. Hạng người như vậy, nếu thấy ông chẳng khiếp sợ, nên biết rằng chẳng bao lâu họ sẽ tự tan rã, bại hoại, cũng như con chó hoang kia vậy.’

Thiện nam tử! Như Lai cũng vậy, thường dạy các vị Thanh văn rằng: ‘Các ông chớ nên sợ ma Ba-tuần. Nếu ma Ba-tuần hóa làm thân Phật và đi đến chỗ các ông, các ông nên tinh cần giữ tâm vững chãi, hàng phục ma ấy. Khi ấy ma sẽ phải lo sầu chẳng vui, theo đường cũ mà rút lui.’

Thiện nam tử! Như người dũng mạnh kia, chẳng chịu bắt chước theo kẻ khác. Người tu học Đại thừa cũng thế, khi nghe được đủ các kinh điển sâu xa bí mật, trong lòng lấy làm vui sướng, chẳng hề kính sợ. Vì sao vậy? Vì người tu học Đại thừa như vậy vốn đã từng cúng dường, cung kính, lễ bái vô số đức Phật trong quá khứ, đâu có vô số ma muốn đến quấy rối, phá hoại thì đối với việc ấy người cũng chẳng hề kính sợ.

Thiện nam tử! Ví như có người được món thuốc a-kiệt-đà,<sup>11</sup> chẳng còn sợ bất cứ loài rắn độc nào. Loại thuốc này có thể giải trừ tất cả các loại chất độc. Kinh Đại thừa này cũng như vậy, có công năng như loại thuốc kia, không sợ tất cả các thứ độc hại của chúng ma, lại còn có thể hàng phục khiến cho không còn dấy lên được nữa.

Lại nữa, thiện nam tử! Ví như có một con rồng tánh hay ganh ghét, xấu xa. Khi muốn hại người thì lấy mắt mà nhìn hoặc dùng miệng mà phun, cho nên tất cả những giống sư tử, cọp, beo, sói, chó đều sợ sệt. Các loài thú dữ ấy, hoặc nghe tiếng nó, hoặc nhìn thấy nó, hoặc đụng chạm với nó đều phải mất mạng.

Nhưng có một người giỏi về chú thuật, có thể dùng sức của thần chú mà làm cho các loài rồng độc, chim kim sí cùng với voi dữ, sư tử, cọp, beo, sói thấy đều trở nên hiền hòa, dùng để cưỡi hoặc kéo xe. Những loài thú ấy thấy người giỏi về chú thuật kia liền chịu khuất phục.

Hàng Thanh văn, Duyên giác cũng thế, nhìn thấy ma Ba-tuần thì thấy đều khiếp sợ. Còn ma Ba-tuần lại chẳng hề sợ sệt, cứ làm việc của ma.

Người tu học Đại thừa lại cũng như người giỏi chú thuật kia, thấy hàng Thanh văn khiếp sợ những việc của ma, đối với Đại thừa chẳng đem lòng tin tưởng, ưa thích, nên trước dùng phương tiện hàng phục chúng ma, khiến cho trở nên hiền hòa, có thể cưỡi được, rồi nhân đó mới giảng rộng đủ các môn diệu pháp. Hàng Thanh văn, Duyên giác thấy người điều phục chúng ma rồi, không còn sợ sệt, đối với Chánh pháp vô thượng Đại thừa mới sanh lòng tin tưởng, ưa thích mà nói rằng: ‘Chúng ta từ nay đối với Chánh pháp này không nên ngăn trở nữa.’

Lại nữa, thiện nam tử! Hàng Thanh văn, Duyên giác đối với phiền não sanh lòng sợ sệt. Những người tu học Đại thừa thấy đều không khiếp sợ. Người tu học Đại thừa có sức mạnh như vậy. Vì nhân duyên này, nên những điều ta thuyết dạy trước đây là vì muốn cho hàng Thanh văn, Duyên giác điều phục các ma, chẳng phải vì hàng Đại thừa mà nói.

Kinh điển Đại Niết-bàn vi diệu này không thể tiêu mất, không thể thua kém, rất kỳ diệu và đặc biệt! Nếu có người nghe được kinh điển này rồi sanh lòng tin tưởng, thọ trì, có thể tin rằng Như Lai là pháp thường trụ, đó là người rất ít có, ví như hoa ưu-đàm.

Sau khi ta nhập Niết-bàn, nếu như có người nghe được nghe kinh điển Đại thừa vi diệu như thế này rồi đem lòng tin tưởng, kính trọng, nên biết rằng những người ấy trong đời vị lai, cho đến trăm nghìn ức kiếp chẳng rơi vào các nẻo dữ.

Bây giờ, Phật dạy Bồ Tát Ca-diếp rằng: Thiện nam tử! Sau khi ta nhập Niết-bàn, sẽ có trăm ngàn vô lượng chúng sanh phỉ báng và chẳng tin vào kinh điển Đại Niết-bàn vi diệu này.

Bồ Tát Ca-diếp lại bạch Phật: Bạch Thế Tôn, sau khi Phật nhập Niết-bàn bao lâu thì những chúng sanh ấy sẽ phỉ báng kinh này? Lại có những chúng sanh thuận thiện nào có thể cứu vớt những kẻ phỉ báng giáo pháp?

Phật bảo Ca-diếp: Thiện nam tử! Ta nhập Niết-bàn rồi, trong bốn mươi năm kinh Đại thừa này sẽ được truyền bá rộng rãi trong cõi Diêm-phù-đề. Nhưng sau đó lại đành mai một.

Thiện nam tử! Ví như các loại mía đường, nếp hương, đường phèn, sữa, bơ sữa, đề-hồ, tùy theo mỗi xứ mà người dân đều chọn một món trong đó cho là ngon nhất. Lại có những người chỉ ăn toàn cháo kê. Những người ấy cũng nói rằng: ‘Món mà chúng tôi ăn là ngon nhất.’ Ấy là những người ít phước nên phải chịu nghiệp báo. Nếu là người có phước thì tai chẳng hề nghe đến cháo kê, chỉ ăn toàn các loại gạo ngon, mía ngọt, đường phèn, đề-hồ.

Kinh điển Đại Niết-bàn vi diệu này cũng thế. Những kẻ căn cơ đần độn, ít phước chẳng hề thích nghe. Cũng như những kẻ ít phước kia không ưa các loại gạo ngon, đường phèn... hàng Nhị thừa<sup>12</sup> cũng thế, không ưa kinh Đại Niết-bàn cao trôi nhất này. Như có những chúng sanh sẵn lòng ưa thích nghe và thọ trì kinh này, nghe rồi vui vẻ, chẳng sanh lòng phỉ báng, cũng như những người có phước kia, được ăn toàn các loại gạo ngon.

Thiện nam tử! Ví như có một vị vua ở giữa vùng núi non hiểm trở. Tuy vua ấy có các món mía đường, gạo ngon, đường phèn... nhưng cho là khó kiếm nên tham tiếc mà tích trữ, chẳng dám ăn vì sợ hết đi, chỉ ăn toàn món cháo kê mà thôi. Có một vị vua nước khác nghe được chuyện ấy, lấy làm thương xót và buồn cười, liền cho xe chở gạo ngon, mía đường đến biếu tặng. Vua kia nhận được rồi, liền phân phát rộng ra khắp nước để cùng ăn. Dân chúng ăn xong, lấy làm vui sướng, nói rằng: ‘Nhờ có vị vua kia nên chúng ta mới được ăn những món ít có này.’

Thiện nam tử! Bốn hạng người kia lại cũng như vậy. Họ là những tướng soái của Đại pháp Vô thượng này. Trong bốn hạng người ấy, như có một người nhìn thấy ở phương khác có vô số Bồ Tát, đầu tu học kinh điển Đại thừa này, tự mình sao chép hay khiến người khác sao chép, vì lợi dưỡng hay vì danh dự, hoặc vì muốn hiểu rõ pháp, hoặc vì muốn làm người cho kẻ khác nương theo, hoặc vì muốn trao đổi rộng rãi với các kinh khác, nhưng lại chẳng đủ sức vì người khác mà giảng thuyết. Nhìn thấy như vậy rồi, vị ấy liền mang kinh điển vi diệu này đến phương ấy mà tặng cho các Bồ Tát kia, khiến cho các vị ấy phát tâm bồ-đề vô thượng, trụ yên nơi bồ-đề. Các Bồ Tát ấy được kinh này rồi, liền vì người khác mà giảng rộng, khiến vô lượng chúng sanh được hưởng thọ vị pháp của Đại thừa như thế này. Đó đều là nhờ sức của một vị Bồ Tát mà những ai chưa nghe kinh này thấy đều được nghe, cũng như nhờ sức của vị vua kia mà ai nấy đều được món ăn ít có.

Lại nữa, thiện nam tử! Kinh điển Đại Niết-bàn vi diệu này lưu hành ở xứ nào, nên biết rằng vùng đất đó hẳn là kim cang, người ở đó cũng như kim cang. Nếu ai có thể nghe được kinh này liền không còn thói chuyển đổi với quả A-

nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, có cầu nguyện việc chi ắt đều được thành tựu. Như hôm nay ta tuyên thuyết ra đây, tỳ-kheo các ông nên khéo thọ trì. Nếu những chúng sanh nào chẳng thể nghe được kinh điển như thế này, nên biết là những người ấy rất đáng thương xót. Vì sao vậy? Vì những người ấy chẳng đủ sức thọ trì kinh điển Đại thừa nghĩa lý rất sâu xa này.

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: Thế Tôn! Như Lai nhập Niết-bàn rồi, trong bốn mươi năm kinh điển Đại thừa Đại Niết-bàn này sẽ được lưu hành rộng rãi trong cõi Diêm-phù-đề, sau đó thì đành mai một. Nhưng rồi bao lâu sau nữa sẽ được xuất hiện trở lại?

Phật dạy: Thiện nam tử! Cho đến khi Chánh pháp của ta còn ở cõi thế được tám mươi năm, thì trong bốn mươi năm đầu kinh này sẽ đổ cơn mưa pháp lớn ở cõi Diêm-phù-đề.

Bồ Tát Ca-diếp lại bạch Phật: Thế Tôn! Vào lúc Chánh pháp đã diệt, Chánh giới bị tiêu hủy, phi pháp tăng trưởng, không có chúng sanh nào làm theo đúng pháp, liệu còn ai có thể nghe nhận, phụng trì, đọc tụng kinh này cho thông thuộc, cùng là cúng dường, cung kính, sao chép, giảng thuyết kinh này? Xin Như Lai thương xót chúng sanh, phân biệt thuyết rộng, khiến chư Bồ Tát nghe rồi thọ trì; thọ trì rồi liền không còn thôi chuyển đối với tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Lúc ấy, Phật khen Ca-diếp rằng: Lành thay, lành thay! Thiện nam tử! Nay ông khéo có thể hỏi ta về nghĩa như vậy.

Thiện nam tử! Như có chúng sanh nào ở nơi chư Phật nhiều như số cát sông Hy-liên mà phát tâm bồ-đề, thì mới có thể ở vào đời xấu ác ấy<sup>13</sup> mà thọ trì kinh điển như thế này, chẳng sanh lòng phỉ báng.

Thiện nam tử! Như người có thể ở nơi chư Phật Thế Tôn nhiều như số cát một con sông Hằng mà phát tâm bồ-đề, rồi mới có thể ở vào đời xấu ác ấy mà chẳng phỉ báng pháp này, lại ưa thích kinh điển này, nhưng không thể vì người khác mà phân biệt giảng rộng.

Thiện nam tử! Như có chúng sanh nào ở nơi chư Phật nhiều như số cát hai sông Hằng mà phát tâm bồ-đề, rồi mới có thể ở vào đời xấu ác ấy mà chẳng phỉ báng pháp này, lại hiểu đúng và tin tưởng, ưa thích, thọ trì, đọc tụng, nhưng cũng không thể vì người khác mà phân biệt giảng rộng.

Như có chúng sanh nào ở nơi chư Phật nhiều như số cát ba sông Hằng mà phát tâm bồ-đề, rồi mới có thể ở vào đời xấu ác ấy mà chẳng phỉ báng pháp này, lại thọ trì, đọc tụng, sao chép kinh. Tuy có thể vì người khác giảng thuyết nhưng chưa giảng được nghĩa sâu.

Như có chúng sanh nào ở nơi chư Phật nhiều như số cát bốn sông Hằng mà phát tâm bồ-đề, rồi mới có thể ở vào đời xấu ác ấy mà chẳng phỉ báng pháp này, lại thọ trì, đọc tụng, sao chép kinh, vì người khác mà giảng rộng được một phần trong mười sáu phần nghĩa lý của kinh này. Tuy là giảng thuyết nhưng cũng chưa được đầy đủ.

Như có chúng sanh nào ở nơi chư Phật nhiều như số cát năm sông Hằng mà phát tâm bồ-đề, rồi mới có thể ở vào đời xấu ác ấy mà chẳng phỉ báng pháp này, lại thọ trì, đọc tụng, sao chép kinh, vì người khác mà giảng rộng được tám phần trong mười sáu phần nghĩa lý của kinh này.

Như có chúng sanh nào ở nơi chư Phật nhiều như số cát sáu sông Hằng mà phát tâm bồ-đề, rồi mới có thể ở vào đời xấu ác ấy mà chẳng phỉ báng pháp này, lại thọ trì, đọc tụng, sao chép kinh, vì người khác mà giảng rộng được mười hai phần trong mười sáu phần nghĩa lý của kinh này.

Như có chúng sanh nào ở nơi chư Phật nhiều như số cát bảy sông Hằng mà phát tâm bồ-đề, rồi mới có thể ở vào đời xấu ác ấy mà chẳng phỉ báng pháp này, lại thọ trì, đọc tụng, sao chép kinh, vì người khác mà giảng rộng được mười bốn phần trong mười sáu phần nghĩa lý của kinh này.

Như có chúng sanh nào ở nơi chư Phật nhiều như số cát tám sông Hằng mà phát tâm bồ-đề, rồi mới có thể ở vào đời xấu ác ấy mà chẳng phỉ báng pháp này, lại thọ trì, đọc tụng, sao chép kinh, khuyến khích và làm cho người khác sao chép. Tự mình có thể nghe và thọ nhận, lại khuyến khích và làm cho người khác nghe và thọ nhận, đọc tụng thông thuộc, kiên trì ủng hộ; vì lòng thương xót chúng sanh trong thế gian mà cúng dường kinh này, lại khuyến khích và làm cho người khác cúng dường. Đối với các việc như cung kính, tôn trọng, đọc tụng, lễ bái kinh này, lại cũng thực hiện đầy đủ như vậy. Người ấy có thể giảng trọn ý nghĩa kinh này, như là: Như Lai là thường trụ, chẳng biến đổi, rất rạo yê vui; giảng rộng nghĩa tất cả chúng sanh đều có tánh Phật; hiểu rõ được chỗ pháp tạng của Như Lai. Người ấy đã cúng dường chư Phật như vậy rồi, kiến lập Chánh pháp vô thượng như thế này và thọ trì, ủng hộ.

Như có người vừa mới phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, nên biết rằng trong đời vị lai người ấy sẽ có khả năng kiến lập được Chánh pháp như thế này và thọ trì, ủng hộ. Cho nên hiện nay các ông có thể biết được những người hộ pháp trong đời vị lai. Vì sao vậy? Vì người vừa mới phát tâm ấy trong đời vị lai ắt sẽ đủ sức hộ trì Chánh pháp vô thượng.

Thiện nam tử! Có những tỳ-kheo xấu, nghe ta vào Niết-bàn họ chẳng sanh lo buồn, nói rằng: Hôm nay Như Lai nhập Niết-bàn, thật vui thích biết bao! Như Lai ở đời này luôn ngăn trở sự lợi dưỡng của chúng ta. Nay Như Lai đã nhập Niết-bàn, còn ai ngăn trở làm mất sự lợi dưỡng của chúng ta nữa? Nếu chẳng có



ai ngăn trở thì chúng ta lại sẽ được sự lợi dưỡng như cũ. Như Lai ở đời này đưa ra những giới cấm rất nghiêm khắc. Nay Như Lai nhập Niết-bàn, chúng ta sẽ buông bỏ hết. Áo cà-sa vốn là pháp thức chúng ta đã thọ lãnh, từ nay chúng ta sẽ bỏ đi như tháo bỏ lá phướn trên ngọn cây. Những kẻ như vậy sẽ phỉ báng, chống lại kinh Đại thừa này.

Thiện nam tử! Nay ông nên ghi nhớ lấy điều này: ‘Chỉ có chúng sanh nào thành tựu đầy đủ vô lượng công đức mới có thể tin được kinh điển Đại thừa này, tin rồi thọ trì. Ngoài ra, trong các chúng sanh khác còn có những người ưa thích pháp. Nếu có thể rộng vì những người ấy mà giảng thuyết kinh này, họ được nghe rồi thì những ác nghiệp đã tạo ra trong vô lượng vô số kiếp đã qua thấy đều tiêu diệt.

Những ai chẳng tin kinh điển này, ở đời hiện tại sẽ chịu vô số bệnh khổ não hại, nhiều người trong số ấy thường bị người mắng nhiếc, làm nhục. Sau khi qua đời sẽ bị người ta khinh chê, lại sanh làm người mặt mũi hình tướng xấu xí, việc mưu sanh vất vả khó khăn, thường không được đầy đủ, tuy có kiếm được đôi chút cũng chỉ là những món thô xấu, tồi tệ. Rồi đời này qua đời khác họ luôn sanh ra trong những cảnh bần cùng, hạ tiện, sanh vào những nhà tà kiến phỉ báng Chánh pháp. Cho đến lúc lâm chung, hoặc gặp buổi loạn lạc đao binh, vua chúa bạo ngược, hoặc là bị việc xâm hại bức bách bởi những kẻ oán thù hiềm khích. Dầu họ có bạn lành nhưng phải xa cách chẳng được gặp gỡ. Những thứ cần dùng trong cuộc sống, mong cầu đều chẳng được. Dầu có được đôi chút lợi lạc nhưng thường phải đói khát. Chỉ những kẻ tầm thường, hạ tiện mới giao du với họ; hàng quốc vương, đại thần đều khinh rẻ không biết đến tên tuổi họ. Như họ có nói ra điều chi rất hợp lý cũng chẳng ai tin nhận. Người như vậy không thể sanh về những nơi tốt đẹp, cũng như con chim bị chặt cánh không thể bay đi. Người này cũng thế, trong đời vị lai không thể được sanh về những nơi tốt đẹp trong cõi trời người.

Nếu ai có thể tin vào kinh điển Đại thừa này, tuy đáng phải thọ hình tướng thô xấu<sup>14</sup> nhưng nhờ công đức của kinh nên sẽ được hình dung đoan chánh, oai nghiêm, sức mạnh ngày càng tăng. Người ta và chư thiên đều muốn được gặp gỡ, cung kính, yêu mến, chẳng muốn rời xa người ấy. Các bậc quốc vương, đại thần cùng với thân thuộc của họ, nếu nghe người ấy nói ra điều gì đều kính trọng tin theo.

Trong hàng đệ tử Thanh văn của ta, như ai muốn làm nên việc ít có hơn hết, thì nên vì thế gian mà giảng rộng kinh điển Đại thừa như thế này.

Thiện nam tử! Ví như sương mù, dù muốn tồn tại cũng chẳng qua khỏi lúc mặt trời mọc. Khi mặt trời đã hiện ra, liền tan biến chẳng còn gì. Thiện nam tử! Nghiệp ác của chúng sanh lại cũng như vậy, tồn tại ở đời cũng chẳng qua khỏi

lúc chúng sanh được thấy mặt trời Đại Niết-bàn. Khi mặt trời Đại Niết-bàn xuất hiện liền có thể tiêu trừ hết thảy các nghiệp ác.

Lại nữa, thiện nam tử! Ví như có người cạo tóc xuất gia, tuy mặc áo cà-sa nhưng chưa được thọ mười giới sa-di.<sup>15</sup> Nếu có người trưởng giả đến thỉnh chúng tăng thì người chưa thọ giới ấy cũng được thỉnh cùng với đại chúng. Tuy chưa thọ giới cũng đã được dự vào hàng tăng chúng. Thiện nam tử! Nếu có những chúng sanh phát tâm bắt đầu tu học kinh điển Đại thừa Đại Niết-bàn, sao chép và thọ trì, đọc tụng kinh thì cũng được giống như vậy, tuy chưa được đầy đủ các địa vị trong Thập địa<sup>16</sup> nhưng cũng đã dự vào trong số Bồ Tát Thập trụ.<sup>17</sup>

Như có những chúng sanh là đệ tử Phật, hoặc chẳng phải đệ tử Phật, hoặc vì tham lam, hoặc vì sợ sệt, hoặc vì lợi dưỡng mà nghe và thọ trì kinh này, nghe rồi không chê bai, thậm chí chỉ là một bài kệ trong kinh, nên biết rằng những người ấy đã được đến gần quả A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Thiện nam tử! Vì nhân duyên ấy, ta dạy rằng có bốn hạng người là chỗ nương theo của thế gian. Thiện nam tử! Không có lý nào mà bốn hạng người ấy đối với những điều Phật đã thuyết lại nói rằng không phải Phật thuyết. Vì vậy mà ta nói rằng bốn hạng người ấy là chỗ nương theo của thế gian. Thiện nam tử! Các ông nên cúng dường bốn hạng người ấy.

Bồ Tát Ca-diếp lại thưa hỏi: Bạch Thế Tôn! Làm sao chúng con nhận biết được bốn hạng người ấy để cúng dường?

Phật dạy Ca-diếp: Nếu như có người kiến lập, hộ trì Chánh pháp thì những hạng người này sẽ đi theo thừa thỉnh, nên bỏ cả thân mạng mà cúng dường. Như ta thuyết dạy trong kinh Đại thừa này:

*Nếu có người biết pháp,*

*Dù người già, người trẻ,*

*Nên thành tâm cúng dường,*

*Cung kính và lễ bái,*

*Như người bà-la-môn,*

*Thờ phụng vị thần lửa.*

*Nếu có người biết pháp,*

*Dù người già, người trẻ,*

*Nên thành tâm cúng dường,*

*Cung kính và lễ bái,*

*Cũng như hàng chư thiên,*

*Hầu hạ vị Đê-thích.*

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: Thế Tôn! Như Phật có dạy, cúng dường bậc sư trưởng nên làm như vậy. Nay con có chỗ nghi, xin Phật giảng rộng. Như có bậc trưởng lão nghiêm trì giới luật, theo người trẻ tuổi để học hỏi và thọ nhận những điều chưa biết, làm sao vị trưởng lão ấy lại nên lễ kính [người trẻ tuổi]? Nếu như [vị ấy] lễ kính [người trẻ tuổi] thì không thể gọi là bậc trì giới.

Lại như người trẻ tuổi nghiêm trì giới luật, theo người cao niên không giữ giới để học hỏi và thọ nhận những điều chưa biết, vậy có nên lễ kính [kẻ phá giới kia] chăng?

Như có người xuất gia theo người tại gia để học hỏi và thọ nhận những điều chưa được nghe, có nên lễ kính [người tại gia ấy] hay không?

Theo lý thì người xuất gia không nên lễ kính người tại gia; trong Phật pháp thì người nhỏ tuổi phải cung kính bậc cao niên, vì bậc cao niên đã thọ giới cụ túc trước và thành tựu các oai nghi, cho nên phải cung kính cúng dường. [Nhưng] Phật có dạy: ‘Phật pháp không chấp nhận những kẻ phá giới, họ như cỏ dại trong đám ruộng tốt.’

Lại như Phật vừa dạy: ‘Nếu có người biết pháp, dù người già, người trẻ, nên thành tâm cúng dường...’ cho đến ‘như hàng chư thiên hầu hạ vị Đê-thích.’ Hai bài kệ ấy là nghĩa thế nào? Lễ nào Phật lại nói ra điều sai trái hay sao? Như Phật có nói: ‘Tỳ-kheo trì giới cũng có chỗ sai phạm.’ Vì sao Như Lai nói ra lời ấy? Lại trong các kinh khác Thế Tôn có nói: ‘Ta cho phép trừng trị những kẻ phá giới.’ Những lời dạy như thế ắt là không rõ nghĩa.

Phật bảo Ca-diếp: Thiện nam tử! Ta vì các vị Bồ Tát tu học Đại thừa trong đời vị lai mà dạy hai bài kệ trên, chẳng phải vì hàng đệ tử Thanh văn.

Thiện nam tử! Như ta đã nói, vào lúc Chánh pháp đã diệt, Chánh giới bị tiêu hủy, những kẻ phá giới tăng trưởng, những sự phi pháp phát triển rất mạnh, hết thầy các bậc thánh đều ẩn dật không xuất hiện, những tội trai, tứ gái và những vật bất tịnh đều được thọ nhận và chứa trữ. Vào lúc ấy, tất sẽ có một trong bốn hạng người trên xuất hiện ở thế gian, cạo bỏ râu tóc xuất gia tu đạo. Vị ấy nhìn thấy các tỳ-kheo thọ nhận và chứa trữ tội trai, tứ gái và những vật bất tịnh, lại không biết thế nào là trong sạch hay bất tịnh, cũng không biết thế nào là

đúng luật hay không đúng luật. Vị ấy vì muốn điều phục các tỳ-kheo như vậy nên cùng họ giao tiếp gần gũi, nhưng không nhiễm lấy những thói xấu của họ.<sup>18</sup> Từ chỗ sở hành của bản thân cho đến chỗ sở hành của chư Phật, vị ấy đều khéo phân biệt rõ. Tuy thấy những người phạm các giới ba-la-di<sup>19</sup> nhưng vị ấy lặng thinh chẳng nêu tội ấy ra.<sup>20</sup> Vì sao vậy? Vị ấy nghĩ rằng: ‘Ta ra đời là để kiến lập và hộ trì Chánh pháp.’ Cho nên vị ấy lặng thinh chẳng nêu tội ấy ra.

Thiện nam tử! Người như vậy là vì sự hộ pháp, nên dù có chỗ phạm giới cũng chẳng gọi là phá giới.

Thiện nam tử! Ví như có vị quốc vương mang bệnh băng hà. Vị trừ quân<sup>21</sup> còn non nớt chưa đủ sức nối ngôi cai trị. Bấy giờ, có một người chiêm-đà-la<sup>22</sup> giàu có vô cùng, lại có nhiều quyền thuộc, bèn dùng sức mạnh của mình, nhân lúc đất nước suy yếu mà cướp ngôi vua. Người này làm vua chẳng bao lâu thì những người trong nước, cư sĩ,<sup>23</sup> bà-la-môn... thấy đều chẳng phục, bỏ trốn sang nước khác. Tuy có những người ở lại, họ cũng chẳng muốn nhìn thấy vua ấy. Nếu có những người trưởng giả,<sup>24</sup> bà-la-môn... không rời xứ ấy, chỉ như cây cối sanh trưởng ở nơi nào rồi cũng chết tại nơi ấy.<sup>25</sup>

Vị vua chiêm-đà-la biết rằng người trong nước trốn đi rất nhiều, bèn sai những người chiêm-đà-la đi tuần trên các nẻo đường trọn bảy ngày, đánh trống truyền lệnh của vua rằng:<sup>26</sup> ‘Trong hàng bà-la-môn, nếu có ai chịu làm vị thầy ban lễ quán đảnh<sup>27</sup> cho ta, ta sẽ đem phân nửa đất nước mà phong thưởng.’

Nghe được lời ấy, trong hàng bà-la-môn chẳng có ai tìm đến. Thấy đều nói rằng: ‘Không khi nào có một người dòng bà-la-môn lại chịu làm việc ấy!’

Vua chiêm-đà-la lại nói rằng: ‘Nếu trong hàng bà-la-môn chẳng có ai chịu làm thầy ta, ta sẽ buộc những người bà-la-môn và chiêm-đà-la ăn ở chung cùng với nhau, cùng làm việc với nhau.<sup>28</sup> Còn nếu có ai đến làm phép quán đảnh cho ta, ta sẽ đem phân nửa đất nước mà phong thưởng. Lời nói ấy chẳng phải là giả dối. Thuộc trường sanh thượng diệu cam lộ của cõi trời Tam thập tam thiên do chú thuật mà có được, ta cũng sẽ chia đều cho người ấy cùng hưởng với ta.’

Lúc ấy có một thầy bà-la-môn tuổi vừa được hai mươi, vâng giữ hạnh thanh tịnh, để tóc dài, thông thạo chú thuật, tìm đến chỗ vua tâu rằng: ‘Đại vương! Tôi chịu làm theo lệnh của ngài.’

Lúc ấy, vị đại vương lấy làm vui sướng, liền nhận người thanh niên bà-la-môn ấy làm thầy ban phép quán đảnh. Nghe được việc ấy, các vị bà-la-môn đều nổi giận, chê trách người trẻ tuổi ấy rằng: ‘Ông là dòng bà-la-môn, sao lại làm thầy truyền pháp cho người dòng chiêm-đà-la?’

Bấy giờ, vua liền chia phân nửa nước cho thầy bà-la-môn trẻ tuổi ấy, cả hai cùng trị nước qua một thời gian dài. Rồi thầy bà-la-môn trẻ tuổi ấy mới bảo vua rằng: ‘Tôi đã bỏ cả phép nhà<sup>29</sup> đến đây làm thầy của vua, đã đem chú thuật vi mật truyền dạy cho vua, nhưng nay vua chưa xem tôi là người thân.’ Vua hỏi: ‘Như hiện nay chẳng phải tôi đã thân với thầy rồi sao?’ Thầy bà-la-môn: ‘Đến nay chúng ta vẫn chưa cùng hưởng vị thuốc trường sanh của vua trước để lại.’ Vua nói: ‘Lành thay, lành thay! Đại sư! Thật tôi chẳng biết điều ấy, nếu thầy cần xin cứ lấy đi.’

Thầy bà-la-môn trẻ tuổi nghe vua nói lời ấy rồi liền lấy thuốc mang về nhà, mời các đại thần cùng đến dùng với mình. Các quan dùng xong, đồng tâu với vua rằng: ‘Vui thay! Đại sư có thuốc cam lộ bất tử.’ Vua biết điều đó, liền trách thầy rằng: ‘Tại sao đại sư chỉ cùng các quan dùng thuốc cam lộ ấy mà không thấy chia cho trăm?’

Lúc ấy thầy bà-la-môn trẻ tuổi liền lấy loại thuốc trộn lẫn rất nhiều chất độc đưa cho vua uống. Vua uống xong, chỉ trong giây lát thì hơi thở rối loạn, mê man té nhào xuống đất, chẳng còn biết gì cả, dường như người đã chết.

Lúc ấy thầy bà-la-môn trẻ tuổi liền tôn vị trừ quân của vua trước lên ngôi, bảo vị ấy rằng: Nơi tòa sư tử không nên để cho chiên-đà-la lên ngôi. Xưa nay, ta chưa từng nghe thấy người chiên-đà-la làm vua bao giờ. Nếu người chiên-đà-la trị nước, chặn dân, đó là việc vô lý! Nay ngài nên kế vị tiên vương, lấy Chánh pháp mà trị nước.

Bấy giờ, thầy bà-la-môn trẻ tuổi sắp đặt mọi việc xong rồi, liền lấy thuốc giải độc cho người chiên-đà-la, khiến cho được tỉnh lại, rồi đuổi ra khỏi nước. Lúc ấy, thầy bà-la-môn trẻ tuổi tuy làm mọi việc như vậy nhưng chẳng để mất khuôn phép dòng bà-la-môn. Những vị cư sĩ, bà-la-môn khác, khi nghe biết được việc người ấy làm đều khen là việc chưa từng có, ca ngợi rằng: ‘Lành thay, lành thay! Nhân giả có tài khéo léo đuổi được vua chiên-đà-la.’

Thiện nam tử! Sau khi ta vào Niết-bàn, các vị Bồ Tát hộ trì Chánh pháp cũng làm như thế, dùng sức phương tiện ở chung với những kẻ phá giới, giả làm vị tăng thân nhận và chứa trữ tất cả những vật bất tịnh, cùng làm công việc giống như họ. Lúc bấy giờ, nếu Bồ Tát thấy có người phạm nhiều cấm giới nhưng lại có thể trừng trị những tỳ-kheo xấu ác phá hủy giới cấm, liền đến chỗ người ấy, cung kính lễ bái, cúng dường đủ bốn việc,<sup>30</sup> dâng lên cho họ đủ thứ kinh sách và mọi vật. Như tự mình chẳng có của cải, liền dùng phương tiện đến tìm cầu ở người đàn-việt<sup>31</sup> để có mà dâng cho họ. Vì làm việc như vậy, cho nên phải chứa trữ tám thứ vật bất tịnh.<sup>32</sup> Vì sao vậy? Vì người ấy muốn sửa trị những tỳ-kheo xấu ác, cũng như thầy bà-la-môn trẻ tuổi kia đuổi người chiên-đà-la vậy. Lúc bấy giờ, vị Bồ Tát tuy cung kính lễ bái người ấy, chứa trữ tám thứ đồ vật bất tịnh, nhưng không có tội. Vì sao vậy? Vì Bồ Tát ấy muốn xua

đuổi, trừng trị những tỳ-kheo xấu, làm cho những vị tăng thanh tịnh được sống yên ổn, rộng truyền kinh điển phương đẳng Đại thừa, làm lợi ích cho tất cả chư thiên và loài người.

Thiện nam tử! Bởi nhân duyên ấy, nên trong kinh ta thuyết hai bài kệ trên, khiến chư Bồ Tát đều khen ngợi người hộ pháp, cũng như các hàng cư sĩ, bà-la-môn kia khen ngợi thầy bà-la-môn trẻ tuổi kia, nói rằng: ‘Lành thay, lành thay! Bồ Tát hộ pháp phải là như vậy!’

Nếu ai thấy người hộ pháp cùng làm công việc với kẻ phá giới mà cho là có tội, nên biết rằng kẻ ấy tự chịu lấy tai ương. Người hộ pháp ấy thật không có tội.

Thiện nam tử! Như có thầy tỳ-kheo đã phạm giới cấm, nhưng vì lòng kiêu mạn bèn che giấu tội lỗi, chẳng chịu sám hối, nên biết rằng người như vậy mới thật là kẻ phá giới. Còn vị Đại Bồ Tát, vì việc hộ pháp, dù có chỗ phạm giới cũng chẳng gọi là phá giới. Tại sao vậy? Vì không có lòng kiêu mạn, biết bày tỏ và sám hối.

Thiện nam tử! Cho nên trong kinh ta che lấp chỗ hình tướng mà nói kệ rằng:

*Nếu có người biết pháp,*

*Dù người già, người trẻ,*

*Nên thành tâm cúng dường,*

*Cung kính và lễ bái,*

*Như người bà-la-môn,*

*Thờ phụng vị thần lửa.*

*Lại như đệ nhị thiên,<sup>33</sup>*

*Hầu hạ vị Đệ-thích.*

Vì nhân duyên ấy, ta chẳng vì người tu học trong hàng Thanh văn, chỉ vì hàng Bồ Tát mà nói kệ ấy.

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Thế Tôn! Các vị Đại Bồ Tát như vậy đối với giới luật có phần chênh lệch. Vậy giới luật mà họ đã thọ từ trước có còn được nguyên vẹn hay chăng?

Phật dạy: Thiện nam tử! Nay ông chẳng nên nói ra lời ấy. Vì sao vậy? Giới luật mà các vị Bồ Tát ấy đã thọ vẫn còn nguyên vẹn chẳng mất. Ví như có phạm điều chi, vị ấy liền tức thời sám hối. Sám hối rồi liền trở nên trong sạch.

Thiện nam tử! Ví như cái bờ đê cũ, có lỗ thủng bên này xuyên qua bên kia, tất nhiên nước phải rỉ chảy. Vì sao vậy? Vì không có ai sửa chữa. Nếu có người sửa chữa, ắt nước chẳng còn chảy ra. Bồ Tát cũng thế, tuy cùng với những người phá giới mà bố-tát,<sup>34</sup> thọ giới, tự tứ,<sup>35</sup> làm các việc tăng với họ, nhưng về giới luật của mình thì chẳng để như bờ đê bị thủng lỗ. Vì sao vậy? Nếu chẳng có những người giữ giới thanh tịnh thì chúng tăng phải tôn giảm, những kẻ kiêu mạn, chệnh mảng, biếng nhác ngày càng nhiều hơn. Nếu có những người giữ giới thanh tịnh thì có thể làm cho đầy đủ, chẳng mất đi giới luật căn bản.

Thiện nam tử! Đối với [việc tu tập] giáo pháp mà trì trệ mới gọi là chệnh mảng; đối với giới luật nếu có chỗ chậm trễ không gọi là chệnh mảng. Vị Đại Bồ Tát đối với giáo pháp Đại thừa này không có tâm biếng nhác, ngạo mạn, đó gọi là giới căn bản. Vì bảo vệ Chánh pháp nên vị ấy dùng nước Đại thừa để tự tắm rửa. Vì vậy nên Bồ Tát tuy thị hiện phá giới cũng không gọi là chệnh mảng.

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: Trong chúng tăng có bốn hạng người mà Phật đã dạy. Nhưng ví như trái am-la, rất khó phân biệt trái sống với trái chín. Làm sao nhận biết được là người trì giới hay phá giới?

Phật dạy: Thiện nam tử! Nhờ kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn này, có thể dễ dàng biết được. Vì sao mà nhờ kinh Đại Niết-bàn này có thể biết được? Ví như người làm ruộng gieo trồng lúa nếp, nhổ bỏ cỏ dại. Lấy mắt thường mà xem thì ai cũng gọi là đám ruộng sạch cỏ, nhưng đến khi có hạt thì cỏ và lúa tất khác nhau.

Cũng vậy, tám việc bất tịnh có thể ô nhiễm chúng tăng. Như vị nào có thể trừ bỏ được tám việc ấy thì dùng mắt thường mà xem cũng biết được đó là vị tăng thanh tịnh.

Như có những người trì giới và phá giới, trong khi không làm việc ác thì khó dùng mắt thường mà phân biệt. Nếu như việc ác đã biểu hiện ra, liền có thể biết được một cách dễ dàng. Cũng như cỏ dại kia đến lúc có hạt thì dễ phân biệt. Trong chúng tăng cũng thế. Nếu như ai có thể lìa xa tám việc bất tịnh, các pháp độc hại, thì những người ấy gọi là thánh chúng phước điền, xứng đáng cho loài người và chư thiên cúng dường. Chỗ quả báo thanh tịnh không thể lấy mắt thường mà phân biệt được.

Lại nữa, thiện nam tử! Ví như trong rừng ca-la-ca, thứ cây ấy chiếm đa phần, chỉ xen có một cây trăn-đầu-ca. Hai loại trái cây ấy tương tự như nhau, không thể phân biệt. Vào mùa trái chín, có một cô gái đến hái. Cô hái được chỉ

một phần là trái trăn-đầu-ca mà đến mười phần là trái ca-la-ca. Cô chẳng biết việc ấy, liền mang hết ra chợ bán. Có những đứa nhỏ ngu dại chẳng biết phân biệt, mua lấy những trái ca-la-ca, ăn xong thì chết.

Những người có trí nghe được chuyện ấy, bèn hỏi cô gái ấy rằng: ‘Chị hái những trái cây ấy ở đâu mang lại đây?’ Lúc ấy, cô gái liền nói ra chỗ hái trái cây. Những người ấy liền nói rằng: ‘Chỗ ấy có rất nhiều cây ca-la-ca, nhưng chỉ có một cây trăn-đầu-ca mà thôi.’ Biết như vậy rồi liền cười chê mà bỏ đi.

Thiện nam tử! Tám pháp bất tịnh ở trong đại chúng lại cũng như vậy. Trong chúng này có rất nhiều người thọ dụng tám phép ấy, chỉ có một người thanh tịnh trì giới, chẳng thọ nhận tám phép bất tịnh. Mặc dầu biết rằng những người khác thọ nhận và chứa trữ vật phi pháp, nhưng người ấy cũng làm việc với họ, chẳng rời bỏ họ, như cây trăn-đầu-ca duy nhất đứng giữa rừng kia.

Có người ưu-bà-tắc thấy trong chúng tăng có nhiều người không theo đúng pháp, cho nên đối với tất cả đều chẳng cung kính cúng dường. Người ấy nếu muốn cúng dường, trước hết nên hỏi rằng: ‘Đại đức! Tám việc như vậy có nên thọ nhận và chứa trữ hay chẳng? Phật có cho phép hay chẳng? Nếu nói rằng Phật cho phép, thì những người như vậy có được chung cùng với người thanh tịnh mà thi hành các pháp bố-tát, yết-ma và tự tứ chẳng?’

Người ưu-bà-tắc ấy hỏi như vậy rồi, chúng tăng đều đáp rằng: ‘Đức Phật vì lòng thương xót, có cho phép chứa trữ tám việc như vậy.’ Người ưu-bà-tắc ấy nói rằng: ‘Ồ Kỳ-hoàn tinh xá có những tỳ-kheo nói rằng: Phật cho phép chứa trữ vàng, bạc. Lại có những tỳ-kheo khác nói rằng: Phật không cho phép chứa trữ. Những tỳ-kheo nói rằng ‘cho phép’ và những tỳ-kheo nói rằng ‘không cho phép’, hai nhóm tỳ-kheo ấy chẳng ở chung, chẳng thuyết giới chung và chẳng tự tứ với nhau, cho đến chẳng uống nước chung một dòng sông. Và đồ vật lợi dưỡng họ cũng chẳng hưởng chung. Như vậy, vì sao các vị lại nói rằng Phật có cho phép? Đức Phật là bậc cao quý nhất trong tất cả các cõi trời, đâu có thọ nhận đi nữa thì chúng tăng cũng chẳng nên chứa trữ. Nếu có vị nào thọ nhận tám món bất tịnh, thì chớ nên thuyết giới, tự tứ, yết-ma, làm tăng sự chung với vị ấy. Nếu chung cùng với vị ấy mà thuyết giới, tự tứ, yết-ma, làm tăng sự, thì khi thác sẽ đọa nơi địa ngục, cũng như những người kia ăn nhầm trái ca-la-ca mà chết vậy.

Lại nữa, thiện nam tử! Ví như ở thành thị có người bán thuốc. Người ấy có món thuốc rất hay, có vị ngọt, lấy ở Tuyết sơn. Người ấy còn bán nhiều món thuốc tạp nhạp khác, cũng có vị ngọt tương tự.

Lúc ấy, có những người muốn mua thuốc nhưng chẳng biết phân biệt. Họ đến chỗ bán thuốc, hỏi rằng: ‘Ông có món thuốc ở Tuyết sơn chẳng?’ Người bán thuốc đáp là có. Người này dối trá, lấy những món thuốc tạp nhạp mà nói



với người mua rằng: ‘Đây là món thuốc rất hay ở Tuyết sơn, có vị ngọt.’ Bấy giờ, những người mua thuốc lấy mắt thường mà nhìn nên không thể phân biệt được, liền mua lấy mang về, lại nghĩ rằng: ‘Nay ta đã có được món thuốc Tuyết sơn rất hay và có vị ngọt.’

Ca-diếp! Như trong số tăng ở hàng Thanh văn, có kẻ giả danh là tăng, cũng có những vị tăng chân thật, có chư tăng hòa hiệp, hoặc trì giới, hoặc phá giới. Ở trong chúng đây thì hết thấy đều nên cúng dường, cung kính, lễ bái. Người ưu-bà-tắc kia với mắt thường không thể phân biệt, cũng như người mua thuốc chẳng phân biệt được món thuốc ở Tuyết sơn. Ai là người trì giới? Ai là kẻ phá giới? Ai là tăng chân chính? Ai là tăng giả danh? Chỉ người có thiên nhãn mới phân biệt được.

Ca-diếp! Như người ưu-bà-tắc biết rằng tỳ-kheo nào đó là người phá giới, thì chẳng nên cung cấp đồ thí, chẳng nên lễ bái cúng dường. Nếu biết rằng người ấy thâm nạp và chứa trữ tám vật phi pháp, thì cũng chẳng nên cấp thí những đồ cần dùng, chẳng nên lễ bái, cúng dường. Nếu trong chúng tăng có người phá giới, chẳng nên vì lễ người ấy mặc áo cà-sa mà cung kính lễ bái.

Bồ Tát Ca-diếp lại bạch Phật rằng: Thế Tôn! Lành thay, lành thay! Việc Như Lai nói đó là chân thật, chẳng có giả dối. Con sẽ cúi đầu thọ lãnh, dường như kim cương, vật lạ trân bảo. Như Phật có dạy, các tỳ-kheo nên y theo bốn pháp. Bốn pháp đó là gì? Đó là: Y theo pháp chẳng y theo người, y theo ý nghĩa chẳng y theo văn tự, lời nói; y theo trí tuệ, chẳng y theo [nhận] thức, y theo kinh thật nghĩa rốt ráo, chẳng y theo kinh [quyền thừa] không rốt ráo trọn nghĩa.<sup>36</sup> Bốn pháp như vậy cần phải rõ biết [để nương theo], không [nương theo] bốn hạng người [như Phật đã nói].

Phật dạy: Thiện nam tử! Y theo pháp ấy, tức là Đại Bát Niết-bàn của Như Lai. Hết thấy pháp Phật đều là tánh pháp. Tánh pháp ấy tức là Như Lai. Cho nên Như Lai là thường trụ, chẳng biến đổi. Như có ai nói rằng: ‘Như Lai là vô thường’, người ấy không biết, không thấy tánh pháp. Nếu người đã không biết, không thấy tánh pháp thì chẳng nên nương theo.

Như trên ta đã nói về bốn hạng người ra đời để bảo vệ giữ gìn Chánh pháp, cần nên rõ biết để nương theo họ. Vì sao vậy? Vì những người ấy hiểu rõ tạng bí mật, sâu kín của Như Lai, nên có thể biết Như Lai là thường trụ, chẳng biến đổi. Như nói rằng Như Lai là vô thường, biến đổi, thật không có lý như vậy.

Bốn hạng người như vậy tức là Như Lai. Vì sao vậy? Vì những người ấy có thể hiểu rõ những mật ngữ của Như Lai và có thể giảng thuyết. Như ai có thể hiểu rõ tạng bí mật sâu thẳm của Như Lai, và biết Như Lai là thường trụ, chẳng biến đổi, nếu nói rằng người như thế mà vì lợi dưỡng mới nói rằng: ‘Như Lai là

vô thường' thì thật là vô lý. Những người như vậy còn có thể nương theo, huống chi lại chẳng nương theo bốn hạng người mà ta đã nói?

Y theo pháp, tức là tánh pháp; chẳng y theo người, tức là hàng Thanh văn. Tánh Pháp là Như Lai; hàng Thanh văn là hữu vi. Như Lai là thường trụ, hữu vi là vô thường.

Thiện nam tử! Nếu như người phá giới, vì lợi dưỡng mà nói rằng: 'Như Lai vô thường, biến đổi', thì chẳng nên nương theo người ấy. Thiện nam tử! Đó gọi là nghĩa quyết định.

Y theo nghĩa chẳng y theo văn tự, lời nói. Nghĩa tức là sáng suốt, hiểu biết trọn vẹn. Hiểu biết trọn vẹn gọi là không thiếu sót, yếu kém. Không thiếu sót, yếu kém tức là đầy đủ. Nghĩa đầy đủ đó, gọi là Như Lai thường trụ, chẳng biến đổi. Nghĩa Như Lai thường trụ, chẳng biến đổi tức là pháp thường. Nghĩa pháp thường tức là Tăng thường. Đó gọi là y theo nghĩa chẳng y theo lời nói.

Những văn tự, lời nói như thế nào là không nên nương theo? Đó là những văn từ traу chuốt trong các sách luận, cũng nhiều vô số như kinh điển Phật đã thuyết, nhưng toàn nói những việc tham cầu không chán, gian trá nịnh hót, giả vờ thân cận bợ đỡ để cầu lợi, thường đến nhà cư sĩ mà làm công việc cho họ. Lại còn nói rằng: 'Phật cho phép các tỳ-kheo chứa trữ tôi tở và các vật bất tịnh như: vàng, bạc, trân bảo, lúa gạo, kho lẫm, bò, dê, voi, ngựa, buôn bán kiếm lời. Vào thuở mất mùa đói kém vì thương xót đệ tử, Phật cho phép tỳ-kheo để dành đồ vật, tay làm hàm nhai, không thọ nhận mà vẫn có ăn.' Những lời như vậy đều chẳng nên nương theo.

Y theo trí tuệ chẳng y theo nhận thức. Nói trí tuệ tức là Như Lai. Như có những người Thanh văn không thể biết rõ công đức của Như Lai, chỗ nhận thức như vậy không nên nương theo. Như người biết rằng Như Lai tức là pháp thân, chỗ trí tuệ chân thật như vậy là nên nương theo.

Như có người thấy cái thân phương tiện của Như Lai bèn nói rằng thân ấy là do các ám, giới, nhập<sup>37</sup> không chế, là do thức ăn mà được nuôi lớn. Chỗ nhận thức như vậy chẳng nên nương theo. Do đó mà biết được những chỗ nhận thức chẳng nên nương theo. Như có người nói những lời như trên, cho đến những kinh sách nào nói như vậy đều chẳng nên nương theo.

Y theo kinh thật nghĩa rất ráo, chẳng y theo kinh [quyền thừa] không rất ráo trọn nghĩa. Kinh không rất ráo trọn nghĩa là nói hàng Thanh văn, nghe đến tạng bí mật sâu xa của Phật Như Lai ắt sanh tâm nghi ngờ, sợ sệt, chẳng biết rằng tạng ấy từ nơi biển đại trí tuệ mà ra, cũng như trẻ con chưa biết phân biệt. Đó gọi là không trọn nghĩa. Kinh thật nghĩa rất ráo là nói hàng Bồ Tát trí tuệ

chân thật, tùy theo đại trí vô ngại nơi tự tâm, cũng như người người đã trưởng thành hiểu biết tất cả. Đó gọi là rốt ráo trọn nghĩa.

Lại nữa, Thanh văn thừa gọi là không rốt ráo trọn nghĩa, Đại thừa vô thượng mới gọi là rốt ráo trọn nghĩa. Như nói rằng: ‘Như Lai là vô thường, biến đổi’, đó gọi là không rốt ráo trọn nghĩa. Như nói rằng: ‘Như Lai là thường trụ, chẳng biến đổi’, đó gọi là rốt ráo trọn nghĩa.

Chỗ thuyết dạy của hàng Thanh văn nên rõ biết, gọi là không rốt ráo trọn nghĩa. Chỗ thuyết dạy của hàng Bồ Tát nên rõ biết, gọi là rốt ráo trọn nghĩa. Nếu nói rằng: ‘Như Lai nhờ ăn uống mà được nuôi lớn’, đó là không rốt ráo trọn nghĩa. Nếu nói: ‘Như Lai là thường trụ, chẳng biến đổi’, đó là rốt ráo trọn nghĩa. Nếu nói rằng: ‘Như Lai nhập Niết-bàn, như củi hết thì lửa tắt’, đó gọi là không rốt ráo trọn nghĩa. Nếu nói rằng: ‘Như Lai thể nhập pháp tánh’,<sup>38</sup> đó gọi là rốt ráo trọn nghĩa.

Không nên nương theo pháp của Thanh văn thừa. Vì sao vậy? Như Lai vì muốn hóa độ chúng sanh nên dùng sức phương tiện giảng thuyết Thanh văn thừa, cũng như trưởng giả kia dạy con những điều sơ học.

Thiện nam tử! Thanh văn thừa cũng ví như lúc mới cày ruộng, chưa gặt lúa. Như vậy gọi là không rốt ráo trọn nghĩa. Vì vậy chẳng nên nương theo Thanh văn thừa. Nên nương theo pháp Đại thừa. Vì sao vậy? Vì Như Lai muốn độ chúng sanh nên dùng sức phương tiện giảng thuyết Đại thừa, vì vậy nên nương theo. Như vậy gọi là rốt ráo trọn nghĩa.

Bốn pháp y theo như vậy, cần phải rõ biết.

Lại nữa, nói y theo nghĩa, nghĩa gọi là thật thà thẳng thắn. Thật thà thẳng thắn gọi là sáng tỏ rõ ràng. Sáng tỏ rõ ràng gọi là không thiếu kém. Không thiếu kém gọi là Như Lai.

Lại nữa, sáng tỏ rõ ràng gọi là trí tuệ. Thật thà thẳng thắn gọi là thường trụ.

Như Lai thường tồn, gọi là y theo pháp. Pháp gọi là thường, cũng gọi là không bờ bến, không thể nghĩ bàn, không thể cầm nắm, không thể bị trói buộc, nhưng có thể thấy được. Như có người nói rằng: không thể thấy được, thì chẳng nên nương theo người ấy. Vì vậy cho nên y theo pháp chẳng y theo người. Như có người nào dùng lời nói vi diệu mà thuyết lẽ vô thường, thì chớ nên nương theo lời ấy. Vì vậy cho nên y theo nghĩa chứ chẳng y theo lời nói, vẫn tự.

Nói y theo trí, đó là: chúng tăng là thường, vô vi, chẳng biến đổi, chẳng chứa trữ tám thứ vật bất tịnh. Vậy nên y theo trí tuệ chẳng y theo thức. Như có kẻ nói rằng: ‘Do thức tạo tác nên thức nhận chịu. Không có chúng tăng hòa

hiệp. Vì sao vậy? Hòa hiệp đó gọi là không sở hữu gì cả. Không sở hữu gì cả thì sao gọi là thường? Vì thế nên chỗ nhận thức như vậy không thể nương theo.

Nói y theo chỗ rốt ráo trọn nghĩa, rốt ráo trọn nghĩa đó gọi là biết đủ, không bao giờ giả hiện oai nghi thanh bạch, không kiêu mạn tự cao, không tham cầu lợi dưỡng. Lại cũng không chấp trước các pháp mà Như Lai tùy nghi phương tiện thuyết dạy. Đó gọi là rốt ráo trọn nghĩa. Như ai có thể trụ ở chỗ như vậy, thì nên biết rằng người đó đã trụ ở đệ nhất nghĩa.<sup>39</sup> Vì vậy nên gọi là: y theo kinh rốt ráo trọn nghĩa, chẳng y theo kinh không rốt ráo trọn nghĩa.

Chỗ không rốt ráo trọn nghĩa đó, như trong kinh nói rằng hết thấy đều cháy thiêu, hết thấy đều vô thường, hết thấy đều là khổ, hết thấy đều là không, hết thấy đều là vô ngã, đó gọi là không rốt ráo trọn nghĩa. Vì sao vậy? Vì không hiểu trọn những nghĩa như vậy, nên chúng sanh đọa vào địa ngục A-tỳ. Vì sao vậy? Vì chấp trước nên không hiểu được rốt ráo trọn nghĩa. Hết thấy đều cháy thiêu, lại hiểu rằng Như Lai dạy Niết-bàn cũng cháy thiêu; hết thấy đều vô thường, lại hiểu rằng Như Lai dạy Niết-bàn cũng là vô thường. Đối với những lẽ khổ, không, vô ngã cũng hiểu sai như vậy! Cho nên gọi là hiểu không rốt ráo trọn nghĩa kinh, chẳng nên nương theo.

Thiện nam tử! Như có người nói rằng: ‘Như Lai thương xót tất cả chúng sanh, khéo biết rõ lúc nào nên làm việc gì. Vì biết được lúc thích hợp, nên nói việc khinh là trọng, việc trọng là khinh. Như Lai xét biết có những đệ tử được đàn-việt cung cấp những vật cần dùng, không hề thiếu hụt. Đối với những người ấy, Phật không cho phép thâm nạp và chứa trữ tôi tở, vàng, bạc, của cải, vật báu, cùng là buôn bán đổi chác những vật bất tịnh. Nếu những đệ tử không có đàn-việt cung cấp những vật cần dùng, gặp khi mất mùa đói khổ, khó tìm món ăn vật uống; vì muốn kiến lập, hộ trì Chánh pháp, Phật cho phép những đệ tử ấy thâm nạp và chứa trữ tôi tở, vàng, bạc, xe cộ, ruộng vườn, lúa thóc và đổi chác mua bán để chi dùng. Mặc dầu được phép thâm nạp và chứa trữ những vật như vậy, nhưng cần phải tịnh thí, làm cho đàn-việt thêm lòng tin tưởng.’ Nói như vậy là hợp với bốn pháp như trên, hãy nương theo đó. Như có kinh, luật, luận nào chẳng trái với bốn pháp trên thì cũng nên nương theo.

Như có người nói rằng: ‘Dù là lúc thích hợp hay chẳng thích hợp, dù có người thể hộ pháp hay không thể hộ pháp, Như Lai đều cho phép tất cả tỳ-kheo thâm nạp và chứa trữ các vật bất tịnh kia. Lời nói như vậy chẳng nên nương theo. Như trong các kinh, luật, luận nào có chỗ nói như vậy thì cũng chẳng nên nương theo.’

Ta vì những chúng sanh mắt thịt mà giảng thuyết bốn pháp nương theo này, chẳng phải vì người có tuệ nhãn.

Vì vậy mà nay ta giảng thuyết bốn chỗ nương theo: pháp tức là tánh pháp, nghĩa tức là Như Lai thường trụ, chẳng biến đổi; trí tức là biết rõ tất cả chúng sanh đều có tánh Phật; hiểu nghĩa rốt ráo trọn vẹn là thông đạt hết thảy kinh điển Đại thừa.

## KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

### HẾT QUYỂN SÁU

---

<sup>1</sup> Theo Nam bản thì đây là phẩm Tứ y, thứ 8 (Tứ y phẩm, đệ bát). Theo bản dịch Đại Bát Nê-hoàn của ngài Pháp Hiền thì từ đây bắt đầu quyển 4, phẩm thứ 9.

<sup>2</sup> Đây là bốn Thánh quả theo Thanh văn thừa, được xếp từ thấp lên cao như sau: 1. Tu-đà-hoàn dịch nghĩa: Nhập lưu, Dự lưu, là bậc bắt đầu dự vào hàng Thánh quả. 2. Tư-đà-hàm, dịch nghĩa: Nhất lai, còn chia làm hai bậc là Nhất lai hướng, tức bậc mới chứng nhập, và Nhất lai quả, tức là bậc đã chứng quả trọn vẹn. Đây là quả vị chỉ còn tái sanh một lần nữa trước khi đạt giải thoát rốt ráo. 3. A-na-hàm, dịch nghĩa: Bất lai, Bất hoàn, là bậc không còn phải trở lại vòng sanh tử vì nghiệp quả. 4. A-la-hán, dịch nghĩa là Bất sanh, là bậc đã diệt trừ hết các phiền não, đoạn diệt nghiệp sanh tử. Theo Thanh văn thừa thì quả vị này là cao nhất, là Niết-bàn giải thoát. Cần chú ý trong các tôn hiệu của Phật cũng có danh xưng A-la-hán, nhưng được dùng với nghĩa khác chứ không chỉ quả vị này.

<sup>3</sup> Tám điều giác ngộ, rõ biết của bậc đại nhân được giảng rõ trong kinh Bát đại nhân giác. Một là biết rõ thế gian vô thường; hai là biết rõ nhiều tham dục là khổ; ba là biết rõ tâm không nhàm chán, không biết đủ, nên phải lưu ý mà phòng hộ, xa lìa năm món dục; bốn là biết rõ sự lười nhác dẫn đến trụ lạc, sa đọa; năm là biết rõ sự ngu si là cội gốc dẫn đến phải trầm luân trong sanh tử, cho nên cần phải tinh tấn học hỏi Chánh pháp để thoát ra; sáu là biết rõ sự nghèo khổ bần cùng sanh nhiều oán hại, dễ sa vào tội lỗi, vì thế phải mở rộng lòng bố thí, cứu giúp những kẻ bần cùng; bảy là biết rõ chỗ xấu ác, gây ra lỗi lầm của năm món dục; tám là biết rõ sanh tử như ngọn lửa thiêu đốt khổ não vô lượng.

<sup>4</sup> Phát lộ sám hối: tự mình bộc lộ, bày tỏ chỗ sai trái, phạm lỗi của mình ra cho mọi người đều biết và quyết tâm hối cải không tái phạm nữa.

<sup>5</sup> Người có đủ tám đức giác tri dạy trong kinh Bát Đại Nhân Giác (tám đức giác tri, tám việc giác tri của bậc Đại nhân, bậc Bồ Tát).

<sup>6</sup> Phiền não khách trần (Khách trần phiền não): Phiền não ví như khách trần. Phiền não chẳng phải là vật sẵn có ở nơi mình, mà là từ bên ngoài đến (khách), chỉ vì mình mê lầm nên ngỡ khách là chủ mà thôi. Chính cái tâm trong sạch sẵn có mới là chủ. Vậy nên gọi phiền não là khách. Lại nữa, phiền não bám vào như bụi đóng dơ, cho nên gọi là trần (bụi bặm).

---

<sup>7</sup> Cái thân có tám vạn loại trùng: chỉ thân xác thịt dễ hư hoại, thối rữa, là chỗ nương náu, chui rúc của muôn loại vi trùng.

<sup>8</sup> Địa vị thứ mười (Đệ thập địa): Địa vị thứ mười là địa vị rốt ráo trong Thanh Văn Thừa. Thanh Văn Thừa có mười địa vị: 1. Thọ tam quy địa 2. Tín địa 3. Pháp địa 4. Nội phàm phu địa 5. Học tín giới địa 6. Nhập nhân địa 7. Tu-đà-hoàn địa 8. Tư-đà-hàm địa 9. A-na-hàm địa 10. A-la-hán địa. Cần phân biệt với Thập địa của Bồ Tát.

<sup>9</sup> Cồ-su-la cũng đọc là Cù-sử-la, Cù-tư-la hay Cù-sử-la, dịch nghĩa là Mỹ âm hay Diệu âm thanh. Đây là tên một vị trưởng giả trong kinh Trung bản khởi. Kinh Cồ-su-la nhắc đến ở đây có lẽ là tên khác của kinh này (Đại chánh tạng, quyển 4, trang 147, kinh số 196).

<sup>10</sup> Tầm: đơn vị đo chiều dài, bằng 8 thước cổ, mỗi thước bằng khoảng 0,33 mét. Như vậy, mỗi tầm có thể là vào khoảng 2,64 mét.

<sup>11</sup> Tên một loại thuốc quý trị được bách bệnh, phiên âm từ Phạn ngữ Agada, cũng đọc là a-già-đà, dịch nghĩa là vô bệnh, phổ khừ hay bất tử dược.

<sup>12</sup> Nhị thừa: chỉ hai thừa Thanh văn và Duyên giác.

<sup>13</sup> Tức là vào lúc Chánh pháp đã diệt như ngài Ca-diếp vừa nêu lên trong câu hỏi trước đó.

<sup>14</sup> Nghĩa là do những nghiệp ác đã làm trước đây.

<sup>15</sup> Mười giới của sa-di: 1. Không sát sanh; 2. Không trộm cắp; 3. Không dâm dục; 4. Không nói dối; 5. Không uống rượu; 6. Không cài hoa, xúc dầu thơm, thoa phấn đẹp; 7. Không đàn ca múa hát; 8. Không nằm ngò trên giường rộng, ghé cao; 9. Không ăn sai giờ, nghĩa là chỉ ăn mỗi ngày một lần trước giờ Ngọ; 10. Không sở hữu, sử dụng tiền, vàng, đồ trang sức quý báu.

<sup>16</sup> Mười địa (Thập địa): Mười địa vị của Bồ Tát Đại thừa: 1. Hoan hỷ địa; 2. Ly cấu địa; 3. Phát quang địa; 4. Diễm huệ địa; 5. Cực nan thắng địa; 6. Hiện tiền địa; 7. Viễn hành địa; 8. Bất động địa; 9. Thiện huệ địa; 10. Pháp vân địa.

<sup>17</sup> Mười trụ (Thập trụ): 1. Phát tâm trụ; 2. Trì địa trụ; 3. Tu hành trụ; 4. Sanh quý trụ; 5. Phương tiện cụ túc trụ; 6. Chánh tâm trụ; 7. Bất thối trụ; 8. Đồng chơn trụ; 9. Pháp vương tử trụ; 10. Quán đánh trụ.

<sup>18</sup> Giao tiếp gần gũi nhưng không nhiễm lấy những thói xấu: nguyên văn chữ Hán diễn đạt khái niệm này là dữ cộng hòa quang bất đồng kỳ trần. Về sau, quan điểm hòa quang đồng trần trở thành một trong các tôn chỉ của Đại thừa, với ý nghĩa đưa Chánh pháp vào đời sống thế tục để tiếp độ những kẻ lỗi lầm, trụ lạc. Có thể xem tư tưởng này là xuất phát từ đây.

<sup>19</sup> Ba-la-di: Bất cộng trụ pháp, tức bốn tội trọng. Vị tỳ-kheo phạm vào tội ba-la-di thì phải trục xuất, không còn được sống chung với các tỳ-kheo khác. Bốn tội ba-la-di của tỳ-kheo là: 1. Đại dâm giới 2. Đại đạo giới 3. Đại sát giới 4. Đại vọng ngữ giới.

<sup>20</sup> Đoạn này chúng tôi ngờ rằng thiếu đi một ý, vì trong bản dịch của ngài Pháp Hiền có vẻ rõ nghĩa hơn: Bấy giờ có người tụng đọc được chín bộ kinh điển của Như Lai nhưng vi phạm vào giới luật, người này tuy biết kẻ ấy đã phạm trọng

---

tội nhưng vì lòng hộ pháp nên dùng phương tiện lặng thinh không nói ra lỗi lầm của kẻ ấy, còn tự hạ mình theo kẻ ấy để học [cho được chín bộ kinh điển của Như Lai. So sánh thì thấy đoạn văn này đầy đủ và rõ nghĩa hơn.

<sup>21</sup> Trừ quân: Người đã được chọn sẵn để nối ngôi vua nhưng chưa chính thức lên ngôi. Trừ quân thường là vị thái tử, nhưng cũng có khi là một hoàng tử hay hoàng thân.

<sup>22</sup> Chiên-đà-la: Những người bị xem là hạ tiện nhất ở Ấn Độ vào thời đức Phật, thậm chí không được xem là một giai cấp. Xã hội thời ấy có bốn giai cấp, hay bốn chủng tộc là: sát-đế-ly (hàng vua chúa, quan tướng), bà-la-môn (hàng tu sĩ, thầy tế), phệ-xá (hàng trưởng giả, phú hộ), thủ-đà-la (hàng thợ thuyền, nông dân hoặc thương nhân buôn bán nhỏ). Ngoài bốn giai cấp ấy, còn một hạng bị xem là hạ tiện, không đáng kể đến, đó là hạng chiên-đà-la.

<sup>23</sup> Cư sĩ: Ở đây dùng từ này để chỉ giai cấp thủ-đà-la, là những người làm ruộng và thợ thủ công... tức là giai cấp thứ tư của Ấn Độ thời cổ.

<sup>24</sup> Trưởng giả: giai cấp phệ-xá, tức là những thương gia giàu có, những người có thế lực, là giai cấp thứ ba trong xã hội Ấn Độ thời cổ.

<sup>25</sup> Ý nói bất đắc dĩ vì không muốn bỏ quê hương xứ sở nên những người này mới ở lại.

<sup>26</sup> Thời ấy những người truyền lệnh của vua dùng tiếng trống để gọi sự chú ý của đám đông trước khi đọc lệnh, cũng như ở ta trước đây dùng tiếng mõ.

<sup>27</sup> Lễ quán đảnh: Nghi lễ do một vị thầy bà-la-môn thực hiện, bao gồm việc đọc kinh cầu nguyện và rưới nước bốn biển lên đầu cho vua. Khi một vị vua lên ngôi, cần phải làm lễ quán đảnh như một nghi lễ chính thức để được nhân dân thừa nhận sự cai trị của vị vua ấy.

<sup>28</sup> Đây là điều tối kỵ đối với xã hội phân biệt giai cấp lúc bấy giờ, bởi vì những người thuộc giai cấp cao hơn không bao giờ chịu tiếp xúc, giao thiệp với những người thuộc giai cấp thấp hơn mình, huống chi là những người thuộc dòng chiên-đà-la.

<sup>29</sup> Phép nhà: Tức là khuôn phép của đạo Bà-la-môn. Bởi vì đạo ấy chẳng hề nhìn nhận một người chiên-đà-la làm vua. Người bà-la-môn không được làm phép quán đảnh cho người chiên-đà-la, nhìn nhận người ấy làm vua.

<sup>30</sup> Cúng dường đủ bốn việc (Tứ sự cúng dường): là cung cấp đủ bốn thứ cần dùng, bao gồm: 1. Y phục 2. Thức ăn uống 3. Chỗ ở, giường ngủ 4. Thuốc men trị bệnh.

<sup>31</sup> Đàn-việt (Sanskrit: dnapati): tín chủ, thí chủ, chỉ người do tín tâm mà cúng dường tài vật cho chư tăng.

<sup>32</sup> Tám vật bất tịnh (Bát chủng bất tịnh chi vật, hay Bát bất tịnh): 1. Tội trai, tó gái 2. Vàng 3. Bạc 4. Trân bảo 5. Lúa thóc 6. Kho lẫm 7. Bò, dê, voi, ngựa 8. Mối lợi thu hoạch do sự buôn bán. Tám thứ ấy là chẳng trong sạch đối với người xuất gia giữ tịnh giới.

<sup>33</sup> Đệ nhị thiên: Cõi trời thứ nhì. Các cõi trời trong Tam giới được kể từ dưới lên là: 1. Đệ nhất thiên: Tứ thiên vương thiên 2. Đệ nhị thiên: Đao-lợi thiên hay

---

Tam Thập Tam thiên 3. Đệ tam thiên: Hàng chư thiên hầu hạ quanh vua trời Đế Thích.

<sup>34</sup> Bó-tát: Đọc trọn là Ưu-bồ-đà-bà, nghĩa là đoạn diệt điều ác, tăng trưởng điều thiện. Bó-tát tức là thiết giới, tụng giới một tháng hai kỳ, ngày sóc và ngày vọng ( Rằm và mồng một).

<sup>35</sup> Tự tứ, tức là tùy ý. Trong khi chư tăng nhóm họp để bó-tát (tụng giới), người nào thấy mình có lỗi thì tùy ý khai ra để sám hối, rồi chư tăng cũng tùy ý mà quyết định hình thức cần áp dụng cho người đã phạm lỗi.

<sup>36</sup> Kinh điển Tiểu thừa do Phật quyền thuyết, dẫn dắt người sơ cơ, nên gọi là chưa trọn nghĩa (bất liễu nghĩa). Bởi vì trong đó vẫn nói lên những lẽ chân thật, đúng đắn, nhưng chỉ là chưa được trọn vẹn, rốt ráo. Kinh điển Đại thừa đạt đến chỗ giải thoát rốt ráo, không còn nghĩa nào khác vượt ngoài đó nữa, nên gọi là trọn nghĩa (liễu nghĩa). Có người cho rằng bất liễu nghĩa là không hiểu nghĩa, điều này không hợp lý. Vì nếu nói kinh điển Tiểu thừa là không hiểu nghĩa, đó chính là không hiểu nghĩa phương tiện của Như Lai.

<sup>37</sup> Âm, giới, nhập: Âm là năm âm, giới là mười tám giới, nhập là mười hai nhập. Năm âm (cũng gọi là năm uẩn) gồm có: sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Mười tám giới gồm có: sáu căn ở trong (lục căn nội giới), sáu trần ở ngoài (lục trần ngoại giới) và sáu thức ở khoảng giữa (lục thức trung giới). Mười hai nhập là mười hai điều quan hệ mật thiết với nhau: sáu căn (nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân, ý) nhập với sáu trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp); sáu trần lại nhập với sáu căn. Ví dụ như: con mắt nhập với hình sắc gọi là nhãn nhập; hình sắc nhập với con mắt gọi là sắc nhập. Con mắt là căn, hình sắc là trần, đối nhập với nhau thành ra sự thấy...

<sup>38</sup> Như Lai thể nhập pháp tánh: Phật nhập Niết-bàn, tức là Như Lai vào pháp tánh. Pháp tánh là tánh tự nhiên của các pháp, tánh ấy vốn yên lặng, tự nhiên, không biến đổi. Pháp tánh cũng gọi là: chân như, thật tướng, tự tánh thanh tịnh tâm.

<sup>39</sup> Đệ nhất nghĩa: nghĩa lý chân thật rốt ráo, dẫn đến sự giải thoát, cũng gọi là Thắng nghĩa, Chân thật nghĩa.